

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày 23-02-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1; Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thế V; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/02/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Đức T, sinh năm 1975 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Số H khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 8 năm 2023, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/12/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 – Chi nhánh S – Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng V2) ký Hợp đồng cho vay số LN1711230335071/QN8/HĐTD với ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1, nội dung hợp đồng: Ngân hàng V2 cho ông T và bà T1 vay số tiền 302.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/12/2017 đến ngày 05/12/2022, lãi suất vay 9,4%/năm cố định trong 06 tháng đầu tiên, sau đó định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; mục đích vay vốn: Mua xe ô tô con, nhãn hiệu HUYNDAI, mới 100%. Ngày 05/12/2017, Ngân hàng V2 đã giải ngân cho ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 vay số tiền 302.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 05/12/2017.

Để đảm bảo khoản vay, ngày 04/12/2017, ông T và bà T1 đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1711230335071/QN8/HĐTCSP với Ngân hàng V2 và thế chấp tài sản là: Xe ô tô con, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại I10, số khung 51AAHM562459, số máy G3LAGM222166, biển số 36A-287.65 đứng tên chủ sử dụng ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045080 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 29/11/2017 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo vệ kê biên tài sản thi hành án.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà T1 đã thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng V2 đến ngày 04/8/2020, kể từ ngày 05/8/2020 cho đến nay, ông T và bà T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thuận thuận. Vì vậy Ngân hàng V2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 trả toàn bộ số tiền theo hợp đồng vay số LN1711230335071/QN8/HĐTD ký ngày 04/12/2017 là 264.524.981 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc là 153.191.662 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/02/2024 là 111.333.319 đồng.

+ Ngoài ra, kể từ ngày 24/02/2024, ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi trả hết số nợ vay. cho Ngân hàng.

+ Để đảm bảo thanh toán nợ vay, đề nghị Tòa án tuyên buộc Ngân hàng V2 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là: Xe ô tô con, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: 110, số khung 51AAHM562459, số máy G3LAGM222166, biển số 36A-287.65 đứng tên sử dụng ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045080 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 29/11/2017.

- Bị đơn ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/01/2024, tham gia phiên tòa vào các ngày 30/01/2024 và 23/02/2024 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông **Bùi Đức T** và bà **Trần Thị T1** đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 30/01/2024 và 23/02/2023 nhưng vắng mặt không có lý do, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ngày 04/12/2017, **Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 - Chi nhánh S - Phòng G** (gọi tắt là **Ngân hàng V2**) ký Hợp đồng cho vay số LN1711230335071/QN8/HĐTD với ông **Bùi Đức T** và bà **Trần Thị T1**, nội dung hợp đồng: **Ngân hàng V2** cho ông **T** và bà **T1** vay số tiền 302.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/12/2017 đến ngày 05/12/2022, lãi suất vay 9.4%/năm cố định trong 06 tháng đầu tiên, sau đó định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; mục đích vay vốn: Mua xe ô tô con, nhãn hiệu HUYNDAI, mới 100%. Ngày 05/12/2017, **Ngân hàng V2** đã giải ngân cho ông **Bùi Đức T** và bà **Trần Thị T1** vay số tiền 302.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 05/12/2017. Để đảm bảo khoản vay, ngày 04/12/2017, ông **T** và bà **T1** đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1711230335071/QN8/HĐTCSP với **Ngân hàng V2** và thế chấp tài sản là: Xe ô tô con, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại I10, số khung 51AAHM562459, số máy G3LAGM222166, biển số 36A-287.65 đứng tên chủ sử dụng ông **Bùi Đức T** và bà **Trần Thị T1**, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045080 do **Phòng C Công an tỉnh T** cấp ngày 29/11/2017 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo về kê biên tài sản thi hành án. Kể từ ngày 05/8/2020 cho đến nay, ông **T** và bà **T1** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận.

[3] Xét, việc ký kết Hợp đồng cho vay số LN1711230335071/QN8/HĐTD ngày 04/12/2017 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1711230335071/QN8/HĐTCSP ngày 04/12/2017 thể hiện sự tự nguyện của các đương sự trong giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **T** và bà **T1** đã thanh toán gốc và lãi cho **Ngân hàng V2** đến ngày 04/8/2020, kể từ ngày 05/8/2020 cho đến nay ông **T**, bà **T1** không tiếp tục thanh toán gốc và lãi cho **Ngân hàng V2** theo như thỏa thuận. Như vậy, ông **T** và **T1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận tại Điều 4 trong hợp đồng cho vay nên **Ngân hàng V2** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **T**, bà **T1** thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/02/2024 là 264.524.981 đồng, trong đó: Nợ gốc là 153.191.662 đồng và nợ lãi là 111.333.319 đồng, là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của **Ngân hàng V2**: Tại khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp ô tô số LN1711230335071/QN8/HĐTCSP ký ngày

04/12/2017 giữa Ngân hàng V2 với ông T, bà T1 có thỏa thuận về các trường hợp xử lý tài sản thế chấp, cụ thể “*Khi xảy ra một hoặc các trường hợp nêu tại Điều 1 này, Bên thế chấp đồng ý để bên Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp, khiếu kiện hoặc thực hiện bất cứ hành vi nào khác gây cản trở. Việc xử lý theo Điều 1 này được hiểu là bên Ngân hàng tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại hợp đồng này và theo quy định của pháp luật*”. Theo sự thỏa thuận này thì bị đơn ông T, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay của Hợp đồng cho vay, mặc dù Ngân hàng V2 đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T, bà T1 vẫn không thanh toán. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ô tô số LN1711230335071/QN8/HĐTCSP ký ngày 04/12/2017 giữa Ngân hàng V2 với ông T, bà T1 trong trường hợp ông T, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V2.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phù hợp với phân tích trên nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Buộc ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số LN1711230335071/QN8/HĐTD ngày 04/12/2017 là 264.524.981 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc là 153.191.662 đồng và nợ lãi là 111.333.319 đồng.

- Tiền lãi đối với Hợp đồng cho vay số LN1711230335071/QN8/HĐTD ngày 04/12/2017 được tiếp tục tính kể từ ngày 24/02/2024 cho đến khi ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng.

2. Trường hợp ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V3 có quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 đã thế chấp để thu hồi nợ là: Xe ô tô con, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại I10, số khung 51AAHM562459, số máy G3LAGM222166, biển số 36A-287.65 đứng tên chủ sử dụng ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045080 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T cấp ngày 29/11/2017.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Bùi Đức T và bà Trần Thị T1 phải chịu số tiền 13.226.249 đồng.

3.2. Trả lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V1** toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.146.938 đồng theo biên lai thu tiền số 0006891 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim H